



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
đã được soát xét*

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10 - 11
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	12
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	13 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh.

Vốn điều lệ của Công ty là **125.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán. Tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2138
CÔNG
NHIỆM
H VỤ T
HÌNH K
KIỂM
AM V

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG KỶ VÀ ĐẾN NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU:

Hội đồng quản trị

Ông Dương Công Minh	Chủ tịch (bổ nhiệm từ 04/06/2013)
Ông Huỳnh Ngọc Huy	Phó chủ tịch (miễn nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT từ 04/06/2013)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Huỳnh	Thành viên (bổ nhiệm từ 04/06/2013)
Ông Lâm Việt Sơn	Thành viên độc lập (bổ nhiệm từ 04/06/2013)
Ông Nguyễn Đức Cừ	Thành viên (đến ngày 04/06/2013)
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên (đến ngày 04/06/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 18/06/2013)
Ông Nguyễn Hồng Quang	Quyền Tổng Giám đốc (đến ngày 18/06/2013)
Ông Lê Thanh Đức	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh

Ban kiểm soát

Bà Lê Phương Thanh	Trưởng ban (bổ nhiệm từ 04/06/2013)
Bà Trần Thị Hồng	Thành viên (bổ nhiệm từ 04/06/2013)
Ông Trần Trung	Thành viên (bổ nhiệm từ 04/06/2013)
Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung	Trưởng ban (đến ngày 04/06/2013)
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên (đến ngày 04/06/2013)
Bà Vương Ngọc Hà	Thành viên (đến ngày 04/06/2013)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013





Số: ~~31~~/BCSX/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt được lập ngày 14 tháng 08 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Theo thông tin trình bày tại mục VII.5 bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group), tổng giá trị 32,5 tỷ đồng. Khoản đầu tư này đang được ghi nhận là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán và chưa trích lập dự phòng do không có giá tham chiếu đáng tin cậy (xem thuyết minh V.3).

Ngoài ra, khoản đầu tư này có liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyền về việc ông đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tổng số tiền ông Quyền và các cá nhân có liên quan phải trả cho Công ty là 32.500.000.000 đồng và tiền lãi ước tính. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Quyền và các cá nhân có liên quan đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Do vụ việc vẫn đang trong quá trình làm sáng tỏ và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan nên chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng có liên quan đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa được ghi nhận (nếu có).

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên

Việt tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Chứng nhận ĐKHN số: 0547-2013-152-1

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Chứng nhận ĐKHN số: 1732-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2013



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		150.234.676.955	358.375.837.900
I. Tiền và tương đương tiền	110	V.1	33.761.280.782	23.297.934.734
1. Tiền	111		24.511.280.782	23.297.934.734
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.250.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	73.063.437.935	298.547.504.399
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		73.063.437.935	301.248.731.210
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(2.701.226.811)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.243.453.577	34.079.772.718
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	38.194.180.638	27.936.280.638
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	49.018.750	27.018.750
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.4	-	662.692.484
4. Phải thu khác	138	V.4	23.620.406.885	24.396.241.042
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(20.620.152.696)	(18.942.460.196)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.166.504.661	2.450.626.049
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	261.839.421	645.877.342
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.4	25.027.570	60.011.037
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.879.637.670	1.744.737.670
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.611.918.992	323.242.583.068
I. Tài sản cố định	220		7.709.701.603	11.462.907.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.147.886.878	4.226.546.856
- Nguyên giá	222		6.687.185.848	9.096.811.416
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.539.298.970)	(4.870.264.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.561.814.725	7.236.360.728
- Nguyên giá	228		15.039.690.564	15.025.770.697
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.477.875.839)	(7.789.409.969)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	310.442.463.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	-	310.442.463.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		902.217.389	1.337.212.484
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	378.990.759	793.353.581
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.11	330.754.626	330.754.626
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	192.472.004	213.104.277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		158.846.595.947	681.618.420.968

21306
ÔNG
NHIỆM
+ VỤ TI
HÌNH K
KIỂM T
AM V
TP.HC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính. VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.297.434.729	582.484.937.508
I. Nợ ngắn hạn	310		12.258.458.753	11.945.961.532
1. Phải trả người bán	312		61.475.900	61.160.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	85.568.597	68.442.743
3. Phải trả người lao động	315		246.242.949	26.165.906
4. Chi phí phải trả	316		25.000.000	-
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	3.267.989.826	7.467.522.515
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.15	368.005.020	3.402.248.758
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		7.889.015.500	120.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		52.021.126	52.021.126
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		263.139.835	868.279.984
II. Nợ dài hạn	330		43.038.975.976	570.538.975.976
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.16	38.975.976	38.975.976
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	43.000.000.000	570.500.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.549.161.218	99.133.483.460
I. Vốn chủ sở hữu	410		103.549.161.218	99.133.483.460
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		39.210.563	39.210.563
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		78.421.126	78.421.126
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21.568.470.471)	(25.984.148.229)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		158.846.595.947	681.618.420.968

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
LIÊN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	30/06/2013	01/01/2013
1. Chứng khoán lưu ký	006	751.150.370.000	1.604.578.210.000
Trong đó:			
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	670.165.020.000	1.602.744.040.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	1.105.500.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	670.165.020.000	1.601.638.540.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	25.170.000	30.070.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	25.170.000	30.070.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	1.804.100.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	-	1.804.100.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	037	80.960.180.000	
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	80.960.180.000	-
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	60.940.300.000	-
Trong đó:			
2.1. Chứng khoán giao dịch	051	60.940.300.000	-
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	60.940.300.000	-

Trần Lan Hương
Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013



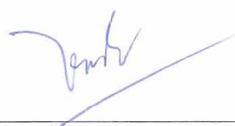
Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

T.N.H.H
★
H.M.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu	01		40.014.318.903	56.218.789.807
Trong đó:				
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		16.355.627.685	2.352.677.103
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		22.538.838.422	51.549.504.632
- DT bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- DT đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	14.090.909
- DT hoạt động tư vấn	01.5		180.000.000	281.818.182
- DT lưu ký chứng khoán	01.6		203.774.062	-
- DT hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- DT cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- DT khác	01.9	VI.1	736.078.734	2.020.698.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		40.014.318.903	56.218.789.807
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	28.906.823.011	48.954.238.177
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		11.107.495.892	7.264.551.630
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	6.329.439.472	13.529.535.407
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.778.056.420	(6.264.983.777)
8. Thu nhập khác	31	VI.4	1.190.212.139	432.480.419
9. Chi phí khác	32	VI.5	1.552.590.801	833.790.364
10. Lợi nhuận khác	40		(362.378.662)	(401.309.945)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.415.677.758	(6.666.293.722)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.415.677.758	(6.666.293.722)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	353	(533)



Trần Lan Hương
Kế toán trưởng

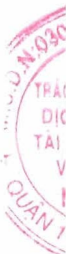
Tp.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013


CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
LIÊN VIỆT
Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		7.296.896.059	1.188.503.232
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(2.746.887.094)	(431.148.227)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		518.852.121.330	39.990.582.000
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(508.188.348.704)	(37.360.398.281)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(918.543.155)	(5.617.404.988)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(1.502.695.206)	(1.931.976.495)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		(24.150.328.533)	(49.365.416.161)
11. Tiền thu khác	14		2.416.076.193	8.251.525.528
12. Tiền chi khác	15		(3.551.805.177)	(6.980.346.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.493.514.287)	(52.256.080.186)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.223.874)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.303.629.933	465.487.194
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.902.500.127)	(331.301.422.843)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		548.185.327.184	373.992.356.347
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.883.627.219	69.294.944.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		550.456.860.335	112.451.365.151



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp trực tiếp)
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
I. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(527.500.000.000)	(19.774.647.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(527.500.000.000)	(19.774.647.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		10.463.346.048	40.420.637.365
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	23.297.934.734	6.781.599.972
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	33.761.280.782	47.202.237.337



Trần Lan Hương

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2013



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	18.750.000.000	(18.750.000.000)	125.000.000.000	125.000.000.000
- Công ty CP Him Lam	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Liên Việt	13.750.000.000	13.750.000.000	-	-	-	-	13.750.000.000	13.750.000.000
- Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	-	-	-	-	18.750.000.000	-	-	18.750.000.000
- Ông Phan Hữu Tuấn	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-	-	-	12.500.000.000	12.500.000.000
- Công ty CP XNK Việt Trang	18.750.000.000	18.750.000.000	-	-	-	(18.750.000.000)	18.750.000.000	-
2 Quỹ Đầu tư phát triển	39.210.563	39.210.563	-	-	-	-	39.210.563	39.210.563
3 Quỹ Dự phòng tài chính	78.421.126	78.421.126	-	-	-	-	78.421.126	78.421.126
4 LN chưa phân phối	(14.584.304.491)	(25.984.148.229)	-	(6.666.293.722)	4.415.677.758	-	(21.250.598.213)	(21.568.470.471)
- Kết quả kinh doanh trong năm	-	-	-	(6.666.293.722)	4.415.677.758	-	-	-
- Phân phối LN trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	110.533.327.198	99.133.483.460	-	(6.666.293.722)	23.165.677.758	(18.750.000.000)	103.867.033.476	103.549.161.218



Trần Lan Hương

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2013



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;

Vốn điều lệ của Công ty là **125.000.000.000** đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Chứng khoán.
3. **Ngành nghề kinh doanh:** Môi giới chứng khoán. Tự doanh chứng khoán.
4. **Tổng số nhân viên:** 22 người, trong đó 12 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2003/QĐ-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

4. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác

Dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán (chứng khoán tự doanh) được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá đầu tư được phản ánh vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 năm
Phần mềm máy tính	05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí dịch vụ viễn thông;
- Chi phí chờ phân bổ khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được phân bổ trong khoảng từ 3 đến 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

8. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

138
ÔNG
NHIỆM
VỤ T
HÌNH K
KIỂM
AM V
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

10. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

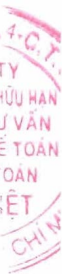
13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền	24.511.280.782	23.297.934.734
Tiền mặt	42.337.334	34.985.391
Tiền gửi ngân hàng	24.468.943.448	23.262.949.343
Trong đó:		
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	2.473.473.098	2.786.630.133
Tương đương tiền	9.250.000.000	-
Cộng	33.761.280.782	23.297.934.734



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của công ty chứng khoán	110.500	243.100.000
- Cổ phiếu	110.500	243.100.000
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu		
Cộng	110.500	243.100.000

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
I. Chứng khoán thương mại	-	3.032.726.811
- Cổ phiếu niêm yết	-	3.032.726.811
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác	73.063.437.935	298.216.004.399
Hợp đồng hợp tác đầu tư cổ phiếu LPB	39.713.437.935	243.095.301.274
Hợp tác đầu tư khác	33.350.000.000	55.120.703.125
+ Cty CP XNK Á Châu	-	22.620.703.125
+ Cổ phiếu đầu tư (Cotec Group) (*)	32.500.000.000	32.500.000.000
+ Cty Him Lam Thủ Đức	850.000.000	-
III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(2.701.226.811)
- Cổ phiếu niêm yết	-	(2.701.226.811)
- Cổ phiếu chưa niêm yết		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
Cộng	73.063.437.935	298.547.504.399

(*) Hợp tác đầu tư cổ phiếu "Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng" (Cotec Group) tổng giá trị đầu tư 32,5 tỷ đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không có giá tham chiếu đáng tin cậy. Khoản đầu tư này liên quan đến vụ kiện Ông Hoàng Xuân Quyến - Nguyên Tổng Giám đốc Công ty về việc ông đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán mà chưa có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị, xem cụ thể tại Thuyết minh số VII.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm		Cuối kỳ	Đầu kỳ
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
I. Chứng khoán thương mại	-	110.500	-	3.032.726.811			(2.701.226.811)			331.500.000
1. Cổ phiếu niêm yết										
NTB	-	110.500	-	3.032.726.811	-	-	(2.701.226.811)	-	-	331.500.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác			73.063.437.935	298.216.004.399	-	-	-	-	73.063.437.935	298.216.004.399
Cộng	-	110.500	73.063.437.935	301.248.731.210	-	-	(2.701.226.811)	-	73.063.437.935	298.547.504.399



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số dự phòng đã lập		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	(Giảm)	Tổng số			
- Phải thu của khách hàng	27.936.280.638	27.936.280.638	27.936.280.638	17.650.797.387	(7.392.897.387)	38.194.180.638	22.134.180.638	13.034.180.638	11.634.180.638
- Trả trước cho người bán	27.018.750			22.000.000		49.018.750			
+ Ngắn hạn	27.018.750			22.000.000		49.018.750			
+ Dài hạn	-								
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	662.692.484		-	8.410.358.064	(9.073.050.548)				
+ Phải thu Sở GDCK				243.100.000	(243.100.000)				
+ Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	662.692.484		-	8.167.258.064	(8.829.950.548)				
- Thuế GTGT được khấu trừ	60.011.037				(34.983.467)	25.027.570			
- Phải thu khác	24.396.241.042	-	-	30.473.028.518	(31.248.862.675)	23.620.406.885	12.754.092.058	8.985.972.058	8.985.972.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	-	621.275.636
Dịch vụ viễn thông	237.104.285	-
Chi phí chờ phân bổ khác	24.735.136	24.601.706
Cộng	261.839.421	645.877.342

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Chi tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.869.637.670	1.734.737.670
Ký quỹ thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Cộng	1.879.637.670	1.744.737.670

CT
TƯ HẠN
VĂN
TOÁN
OÀN
ET
CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.610.208.500	1.971.200.000	5.496.902.916	18.500.000	9.096.811.416
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.971.200.000)	(438.425.568)	-	(2.409.625.568)
Số dư cuối kỳ	1.610.208.500	-	5.058.477.348	18.500.000	6.687.185.848
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	826.418.740	770.007.873	3.262.532.389	11.305.558	4.870.264.560
Khấu hao trong kỳ	164.667.422	94.810.835	550.438.773	3.083.334	813.000.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(864.818.708)	(279.147.246)	-	(1.143.965.954)
Số dư cuối kỳ	991.086.162	-	3.533.823.916	14.388.892	4.539.298.970
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	783.789.760	1.201.192.127	2.234.370.527	7.194.442	4.226.546.856
Tại ngày cuối kỳ	619.122.338	-	1.524.653.432	4.111.108	2.147.886.878

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	13.749.708.387	1.276.062.310	15.025.770.697
Tăng trong kỳ	13.919.867	-	13.919.867
Số dư cuối kỳ	13.763.628.254	1.276.062.310	15.039.690.564
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.004.497.338	784.912.631	7.789.409.969
Khấu hao trong kỳ	1.505.989.807	182.476.063	1.688.465.870
Số dư cuối kỳ	8.510.487.145	967.388.694	9.477.875.839
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	6.745.211.049	491.149.679	7.236.360.728
Tại ngày cuối kỳ	5.253.141.109	308.673.616	5.561.814.725

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH BĐS Việt Phú An	-	15.942.463.000
Công ty TNHH H.T.H	-	294.500.000.000
Cộng	-	310.442.363.000

Khoản đầu tư dài hạn là khoản hợp tác kinh doanh chứng khoán LPB (chứng khoán Ngân hàng TMCP Liên Việt) với các đối tác. Khoản đầu tư này đã được tất toán trong kỳ.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng HN	352.161.439	754.906.704
Chi phí chờ phân bổ khác	26.829.320	38.446.877
Cộng	378.990.759	793.353.581

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	298.643.023	298.643.023
Tiền nộp bổ sung		
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	32.111.603	32.111.603
Cộng	330.754.626	330.754.626

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	192.472.004	213.104.277
Cộng	192.472.004	213.104.277

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	85.568.597	51.959.393
Các loại thuế khác	-	16.483.350
Cộng	85.568.597	68.442.743

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	10.593.000	35.348.000
Bảo hiểm xã hội	-	11.783.500
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.257.396.826	7.420.391.015
* Phải trả lãi trái phiếu	23.561.644	3.635.861.918
* Phải trả hoạt động repo	180.424.148	189.686.955
* Phải trả khác hoạt động repo	-	982.813.452
* Phải trả khác	3.053.411.034	2.612.028.690
Cộng	3.267.989.826	7.467.522.515



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	368.005.020	3.402.248.758
Cộng	368.005.020	3.402.248.758

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ	38.975.976	38.975.976
Cộng	38.975.976	38.975.976

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

a. Tình hình biến động các khoản vay trong kỳ

Chỉ tiêu	Lãi suất	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
		VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng					
+ Mục đích: bổ sung vốn lưu động	12,3% - 14,2%/năm	570.500.000.000	-	(527.500.000.000)	43.000.000.000
+ Thời hạn: 3 năm					
Cộng		570.500.000.000		(527.500.000.000)	43.000.000.000

b. Chi tiết số dư

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Liên Việt	43.000.000.000	570.500.000.000
Cộng	43.000.000.000	570.500.000.000

Công ty phát hành trái phiếu theo các hợp đồng mua trái phiếu với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt (LPB) mục đích tài trợ cho việc kinh doanh cổ phiếu trên thị trường. Trái phiếu có mệnh giá 1.000.000 đồng, thời hạn 3 năm, lãi suất quy định là lãi suất huy động tiết kiệm thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của LPB cộng với lãi biên và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Trong kỳ, Công ty đã mua lại 527.500 trái phiếu, số dư còn lại tại thời điểm 30/06/2013 là 43.000 trái phiếu tương ứng với 43.000.000.000 đồng.

1388
ÔNG T
NHIỆM P
VỤ T
HÌNH KI
KIỂM T
AM V
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DOANH THU KHÁC

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	389.186.322	796.855.552
Doanh thu khác	346.892.412	1.223.843.429
Cộng	736.078.734	2.020.698.981

2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí môi giới kinh doanh	18.232.796	718.501.653
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.660.329.936	47.757.020
Chi phí hoạt động tư vấn	1.300.000.000	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	220.629.723	-
Chi phí dự phòng	(2.701.226.811)	-
Chi phí khác	23.408.857.367	48.187.979.504
Cộng	28.906.823.011	48.954.238.177

3. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.047.522.901	2.280.103.564
Chi phí vật liệu quản lý	4.027.500	-
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	11.618.322	1.161.690.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.198.290	2.637.500.908
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	1.677.692.500	4.125.864.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.162.523.764	2.422.160.005
Chi phí khác bằng tiền	373.856.195	902.215.925
Cộng	6.329.439.472	13.529.535.407

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. THU NHẬP KHÁC

Chi tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	1.184.407.211	431.734.982
Thu nhập khác	5.804.928	745.438
Cộng	1.190.212.139	432.480.419

5. CHI PHÍ KHÁC

Chi tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	1.299.628.502	822.790.364
Chi phí khác	252.962.299	11.000.000
Cộng	1.552.590.801	833.790.364

6. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán (1)	4.415.677.758	(6.666.293.722)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)		
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) - (3)	4.415.677.758	(6.666.293.722)
Chuyển lỗ từ năm trước (5)	(4.415.677.758)	-
Thu nhập tính thuế (6) = (4) + (5)		
Thuế suất (7)		
Thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)		

Thuế thu nhập hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các khoản lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau chưa được ghi nhận vì không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các khoản lỗ tính thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chi tiêu	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	4.415.677.758	(6.666.293.722)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (3) = (1) + (2)	4.415.677.758	(6.666.293.722)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5) = (3)/(4)	353	(533)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
	VND
Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings	Cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Khải Hưng (*)	Cùng thành viên HĐQT

(*) Kể từ ngày 04 tháng 06 năm 2013, Công ty và Công ty TNHH Khải Hưng không còn là các bên liên quan.

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan/ Giao dịch phát sinh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings		
- Phí giao dịch môi giới chứng khoán	5.294.954	
- Thu nợ hợp đồng hợp tác đầu tư	27.482.379.000	34.722.638.000
- Thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư	879.436.128	24.833.189.798
Công ty TNHH Khải Hưng		
- Thu nợ hợp đồng hợp tác đầu tư	56.250.000.000	44.980.002.000
- Thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư	4.128.372.223	3.669.593.072



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Số dư công nợ phải thu/(phải trả) của các bên có liên quan

Các bên liên quan	30/06/2013
	VND
Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings	-
Công ty TNHH Khải Hưng	136.729.000

2. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

3. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

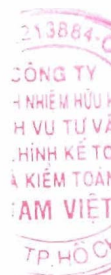
Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Kỳ này	Hoạt động môi giới	Hoạt động đầu tư	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần	16.355.627.685	22.538.838.422	1.119.852.796	40.014.318.903
Chi phí trực tiếp	18.232.796	5.636.795.625	-	5.655.028.421
Các chi phí không phân bổ				29.581.234.062
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.778.056.420
Thu nhập khác				1.190.212.139
Chi phí khác				1.552.590.801
Lợi nhuận trước thuế				4.415.677.758
Chi phí thuế TNDN				
Lợi nhuận sau thuế				4.415.677.758

Thông tin về tài sản bộ phận và nợ bộ phận : Công ty không tách riêng tài sản và nợ theo bộ phận

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY và Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long TDK.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 01/06/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã có thông báo số 853 về việc “Khởi tố và tạm giam bị can” đối với ông Hoàng Xuân Quyến – Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt về hành vi “tự ý ký 2 hợp đồng huy động vốn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 3 hợp đồng hợp tác đầu tư (repo) cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group) không đúng thẩm quyền, làm trái quy định và điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt”.

Cụ thể, ông Hoàng Xuân Quyến đã ký 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần số HTKD2501-01/LVS-KH (ngày 25/1/2011), HTKD1502-01/LVS-KH (ngày 15/02/2011), HTKD1502-02/LVS-KH (ngày 15/02/2011) với lần lượt Bà Trần Thị Huệ Chi, Ông Nguyễn Đức Hoàn, Ông Bùi Hoàng Giang để mua 3.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group). Tổng số tiền đầu tư là 32,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty và các ủy quyền liên quan, ông Hoàng Xuân Quyến chỉ được ký kết các hợp đồng này khi Hội đồng quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng cho rằng trong điều khoản của hợp đồng có sự sửa chữa so với các loại hợp đồng cùng loại của Công ty, gây bất lợi cho Công ty.

Biên bản làm việc giữa Công ty và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thuộc Công an Thành phố Hà Nội ngày 15/05/2012 với nội dung như sau:

- Công ty yêu cầu ông Hoàng Xuân Quyến và các bên có liên quan (ông Trần Tự Thành, ông Đỗ Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là 38.822.381.944 đồng;
- Sau khi trả đủ tiền, Công ty sẽ trả lại 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group cho các bên nêu trên.

Tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết vượt thẩm quyền nên có thể hợp đồng sẽ vô hiệu, khi đó việc xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa các bên có thể sẽ thay đổi. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự việc vẫn đang trong quá trình làm sáng tỏ và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan điều tra. Hiện Công ty vẫn đang ghi nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty và chưa ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính liên quan đến khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính.



Trần Lan Hương

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2013



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổng Giám đốc

